

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu B, sinh năm 1986 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng B1, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thu B trình bày:

Vào năm 2012, bà (Nguyễn Thu B) và ông Trần Hoàng B1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù đã

được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng B1. Về con chung có một người tên là Trần Yến N (giới tính nữ) sinh ngày 19/3/2014 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi và yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Hoàng B1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thu B yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng B1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Hoàng B1 vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Hoàng B1.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Thu B xác định bà và ông Trần Hoàng B1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Nguyễn Thu B xác định quá trình chung sống cùng với ông Trần Hoàng B1 thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây giữa bà và ông Trần Hoàng B1 thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà Nguyễn Thu B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng B1. Ông Trần Hoàng B1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà Nguyễn Thu B và ông Trần Hoàng B1 không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thu B xác định bà và ông Trần Hoàng B1 có 01 người con chung tên là Trần Yến N (giới tính nữ) sinh ngày 19/3/2014 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi và yêu cầu ông Trần Hoàng B1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét thấy con chung hiện tại đang do bà Nguyễn Thu B đang trực tiếp nuôi, cháu Trần Yến N là nữ vì vậy việc tiếp tục giao con chung cho bà Nguyễn Thu B nuôi là phù hợp. Bà Nguyễn Thu B yêu cầu ông Trần Hoàng B1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là không vượt quá quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng cho đến khi con chung thành niên có khả năng tự

lao động sinh sống. Ông Trần Hoàng B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thu B xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thu B phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, ông Trần Hoàng B1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thu B và ông Trần Hoàng B1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thu B chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yến N (giới tính nữ) sinh ngày 19/3/2014 cho đến khi cháu Trần Yến N đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Buộc ông Trần Hoàng B1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 1.000.000 đồng; việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 05/6/2019.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Trần Hoàng B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà B đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019073, ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Hoàng B1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước